

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi cụ thể thực hiện các hoạt động  
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 150/2016/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cụ thể thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và nhập văn bản, thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 167/2012/TT-BTC Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Nghị quyết này không áp dụng đối với:

a) Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

b) Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

### **Điều 3. Mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính**

1. Mức chi cụ thể thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại Phụ lục chi tiết ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về quy định mức chi, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 33 Mục X Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các TCCT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NNL).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**

**Phụ lục****MỨC CHI CỤ THỂ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG  
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Mức chi (đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC)</b>	
1	Chi cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước
2	Chi công bố, công khai TTHC	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp
<b>II</b>	<b>Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các phương án đơn giản hoá TTHC</b>	
		Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND Quy định cụ thể mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
<b>III</b>	<b>Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành lĩnh vực</b>	
1	Thuê theo tháng	7.000.000 đồng/người/tháng
2	Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản	500.000 đồng/văn bản
<b>IV</b>	<b>Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực</b>	
		Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND Quy định cụ thể mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
<b>V</b>	<b>Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát TTHC</b>	
		Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khen thưởng

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)
VI	<b>Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác cải cách TTHC</b>	Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND Quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
VII	<b>Chi làm thêm giờ</b>	Thực hiện theo quy định hiện hành về tiền lương làm thêm giờ
VIII	<b>Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC tại cấp tỉnh, cấp xã</b> <i>(Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC tại các Sở, ban, ngành phải được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC tại cấp xã phải được Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt)</i>	20.000 đồng/người/ngày (mức chi không quá 15 ngày làm việc thực tế/tháng)
IX	<b>Chi tổ chức hội nghị; chi các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC ở trong nước</b>	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
X	<b>Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát TTHC</b>	Chi theo quy định hiện hành bảo đảm có hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp